

Bản án số: 212/2024/HNGĐ-ST;

Ngày: 31/5/2024;

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ĐỨC, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Hồng Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Mạnh Khang; Bà Nguyễn Thị Lệ.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Ngô Thị Luyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà:** Ông Lưu Thế Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 31/5/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 87/2024/TLST-HNGĐ ngày 15/3/2024, về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/5/2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 40/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20/5/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị T, sinh năm 1986; HKTT: Thôn Đ, xã K, huyện H, thành phố Hà Nội, có mặt.

- Bị đơn: Anh Đinh Doãn T1, sinh năm 1987; HKTT: Thôn Đ, xã K, huyện H, thành phố Hà Nội, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Tại Đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên toà, nguyên đơn là chị Vũ Thị T trình bày:**

Chị và anh Đinh Doãn T1 tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 05/10/2010 tại UBND xã K, huyện H, thành phố Hà Nội. Sau kết hôn, vợ chồng ở cùng với gia đình T1 ở tại thôn Đ, xã K. Vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn do anh

T1 có quan hệ ngoại tình, chơi bời trong thời gian dài, không khắc phục được, ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Bản thân anh **T1** cũng muốn giải quyết ly hôn nhưng không làm đơn. Tháng 10/2022, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn căng thẳng, chị xin phép bố mẹ chồng ra ngoài thuê nhà ở, chị và anh **T1** sống ly thân từ thời điểm đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau về tình cảm, chỉ cùng nhau chăm sóc con cái. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã căng thẳng, kéo dài, vợ chồng không thể đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **T1**.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là **Đinh Doãn V**, sinh ngày 14/11/2011 và **Đinh Doãn T2**, sinh ngày 12/7/2013, các con anh chị phát triển về thể chất và tinh thần phát triển bình thường. Từ khi ly thân, do chị phải thuê nhà ở nên chị để hai con ở cùng anh **T1** và bố mẹ chồng chị. Các cháu được ông bà nội hỗ trợ chăm sóc, đưa đón đi học chu đáo, đảm bảo cuộc sống ổn định cho các cháu, còn chị vẫn thường xuyên thăm nom, cấp dưỡng cho các con. Nay ly hôn, chị đồng ý giao anh **T1** trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, chị cấp dưỡng nuôi con số tiền 5.000.000đ/tháng, mỗi con 2.500.000đ/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, trong thời gian vợ chồng ở cùng gia đình anh **T1** thì vợ chồng không có công sức đóng góp phát triển tài sản gì, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn là anh **Đinh Doãn T1** đã được Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng anh **T1** không chấp hành đến Tòa làm việc, không có quan điểm về tranh chấp.*

** Tại biên bản ghi ý kiến, ông **Đinh Văn VI**, là bố đẻ của anh **Đinh Doãn T1** trình bày:*

Con trai ông là **Đinh Doãn T1** kết hôn với con dâu **Vũ Thị T** vào năm 2010. Sau kết hôn, con trai và con dâu ở cùng nhà với gia đình ông bà được khoảng 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn do con trai ông vướng vào tệ nạn xã hội, ảnh hưởng đến kinh tế, dẫn đến các con có việc tranh cãi, xô xát. Đến tháng 9/2022, con dâu xin phép gia đình ra ngoài thuê nhà ở, theo ông để nhằm mục đích cho con trai ông tu chí làm ăn, sau đó lại quay về. Gia đình ông đã khuyên bảo các con giữ gia đình cho các cháu nhưng đến nay chưa có kết quả, mỗi con ở một nơi, khi có công việc thì con dâu mới về nhà. Nay ông mong các con suy nghĩ, giải quyết mâu thuẫn, đoàn tụ để cùng nuôi dạy các cháu. Từ khi con dâu thuê nhà ra ngoài ở, hai cháu là **Đinh Doãn V** và **Đinh Doãn T2** vẫn ở cùng gia đình ông, con dâu qua lại chăm sóc các cháu bình thường. Hiện con trai ông vẫn ở cùng

gia đình ông, nhưng thời gian gần đây đi làm trong giờ hành chính nên không có ở nhà.

* **UBND xã K** cung cấp:

Chị **Vũ Thị T** và anh **Đình Doãn T1** tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 05/10/2010 tại **UBND xã K**. Sau kết hôn, anh **T1** và chị **T** ở cùng gia đình anh **T1** ở **thôn Đ, xã K**.

Quá trình anh chị sinh sống tại địa phương, không có đơn thư đề nghị giải quyết mâu thuẫn hôn nhân gia đình nên UBND xã không có thông tin về thời điểm và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa anh **T1** và chị **T**. Hiện chị **T** và anh **T1** không ở cùng một nhà.

UBND xã thực hiện đăng ký khai sinh cho 02 con chung của chị **T** và anh **T1** là **Đình Doãn V**, sinh ngày 14/11/2011 và **Đình Doãn T2**, sinh ngày 12/7/2013. Hai con của anh **T1** và chị **T** không thuộc diện hưởng trợ cấp xã hội. Hiện chị **T** và anh **T1** là lao động tự do, không xác định được mức thu nhập.

* *Quan điểm của đại diện VKSND huyện Hoài Đức tham gia phiên tòa:*

1. *Về việc thực hiện thủ tục tố tụng của Tòa án và các đương sự:* Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn cần nâng cao ý thức chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. *Về nội dung:* Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về hôn nhân: Cho chị **T** được ly hôn anh **T1**; Về con chung: Giao các cháu **Đình Doãn V**, sinh ngày 14/11/2011 và **Đình Doãn T2**, sinh ngày 12/7/2013 cho anh **T1** trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi; Ghi nhận chị **T** tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung số tiền: 5.000.000đ/tháng, mỗi con 2.500.000đ/tháng, kể từ tháng 5/2024 cho đến khi cháu **V** và **T2** đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác; Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí: Chị **T** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn hiện đang cư trú tại địa bàn **huyện H**, Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh **T1** là đúng quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị **T** và anh **T1** kết hôn đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục, điều kiện về kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo chị **T**, sau kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm về lối sống, sinh hoạt, anh chị đã tìm biện pháp giải quyết mâu thuẫn, gia đình anh **T1** cũng tác động hòa giải để anh chị đoàn tụ nhưng đến nay không có kết quả. Tháng 9/2022, anh chị xảy ra mâu thuẫn căng thẳng, chị **T** đi khỏi nhà anh **T1** và hai bên sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh chị không còn quan tâm đến tình cảm, kinh tế, cuộc sống sinh hoạt của đối phương, chỉ cùng nhau chăm sóc con. Nay chị **T** nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **T1**.

Bị đơn là anh **T1** đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không chấp hành lịch làm việc, thể hiện thái độ bỏ mặc, không có biện pháp giải quyết mâu thuẫn vợ chồng.

Như vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ giữa chị **T** và anh **T1** đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, quan hệ hôn nhân giữa anh chị trên thực tế đã không còn tồn tại một thời gian dài, nay không ai có mong muốn khắc phục, do đó yêu cầu của chị **T** được ly hôn anh **T1** là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2. *Về con chung*: Chị **T** và anh **T1** có 02 con chung là **Đình Doãn V**, sinh ngày 14/11/2011 và **Đình Doãn T2**, sinh ngày 12/7/2013.

Xét thấy, từ thời điểm chị **T** và anh **T1** sống ly thân đến nay, cháu **V** và **T2** có cuộc sống sinh hoạt ổn định cùng anh **T1** và gia đình anh **T1**, nay chị **T** đồng ý giao cả hai con cho anh **T1** trực tiếp nuôi dưỡng vì theo chị các con ở cùng anh **T1** sẽ tốt hơn ở cùng chị trong thời điểm này do anh **T1** có chỗ ở ổn định, đồng thời các con anh chị được bố mẹ anh **T1** hỗ trợ chăm sóc, đưa đón đi học, còn

chị hiện phải thuê nhà ở chưa ổn định; ngoài ra cháu **V** và cháu **T2** đều có nguyện vọng được ở cùng anh **T1**, do đó Hội đồng xét xử giao cháu **V** và cháu **T2** cho anh **T1** trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

Chị **T** tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 5.000.000đ/tháng cho cháu **V** và cháu **T3** là phù hợp quy định nên được ghi nhận.

2.3 Về tài sản chung, nợ chung: Chị **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp quy định nên được ghi nhận. Anh **T4** không có quan điểm nên giành quyền khởi kiện vụ án dân sự cho anh **T4** khi có yêu cầu và phù hợp quy định pháp luật.

[3]. **Về án phí:** Chị **T** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[4]. **Về quyền kháng cáo:** Chị **T**, anh **T4** có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- *Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;*

- *Áp dụng: khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;*

- *Áp dụng Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Vũ Thị T.**

- *Về hôn nhân:* Chị **Vũ Thị T** được ly hôn anh **Đình Doãn T1**.

- *Về con chung:* Giao cháu **Đình Doãn V**, sinh ngày 14/11/2011 và **Đình Doãn T2**, sinh ngày 12/7/2013 cho anh **T1** trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

Ghi nhận chị **T** tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung số tiền: 5.000.000đ/tháng, mỗi con 2.500.000đ/tháng, kể từ tháng 5/2024 cho đến khi cháu **V** và **T2** đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

Chị **T** có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Ghi nhận sự tự nguyện của chị **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết; giành quyền khởi kiện vụ án dân sự cho anh **T1** khi có yêu cầu và phù hợp với quy định pháp luật.

2. Về án phí: Chị **T** phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu BLTU/23 số 0005580 ngày 13/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Chị **T** còn phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

3. Về quyền kháng cáo:

- Chị **T** có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

- **Anh T4** có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND H.Hoài Đức;
- Chi cục THADS H.Hoài Đức;
- UBND xã Kim Chung;
- Lưu hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Hồng Giang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

